

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 796/2023/DS-PT
Ngày: 31/7/2023
V/v tranh chấp hợp đồng bảo hiểm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Hiền**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Bá Thịnh**

Bà **Nguyễn Thị Kim Cương**

Thư ký phiên tòa: Bà **An Phương Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Như Khương** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25/7/2023 và 31/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2023/DSPT ngày 16/02/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 418/2022/DS-ST ngày 08/12/2022 của Tòa án nhân dân Quận K – Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2755/2023/QĐ-PT ngày 11/7/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Văn C**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: ấp Phú K, xã Song L, huyện Châu T, tỉnh T.

Đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông **Vũ Đức L** sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: 39 đường số L, Khu đô thị Him L, phường Tân H, Quận K, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 18/3/2021)

Bị đơn: **Công ty TNHH M (Việt Nam)**

Địa chỉ trụ sở: MP, K5 Hoàng Văn T, phường Tân P, Quận K, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

1. Ông **Trần Tuấn G** (vắng mặt)

2. Ông **Nguyễn Đức A** (có mặt)

3. Công ty Luật TNHH Hà M & Cộng sự do ông **Nguyễn Hồng H** – Luật sư – Giám đốc công ty đại diện. (có mặt ngày 25/7/2023, vắng mặt ngày 31/7/2023)

4. Bà Nguyễn Thị Minh T: (có mặt ngày 25, vắng mặt ngày 31/07/2023)
(Theo Hợp đồng ủy quyền số 06/2023/UQ ngày 06/02/2023 của ông Lee Sang H – Tổng giám đốc Công ty TNHH M - Việt Nam).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Th sinh năm 1970;
Địa chỉ: ấp Bình L, xã Lương H, huyện Châu T, tỉnh T (có mặt ngày 25, vắng mặt ngày 31/7/2023).

2. Ông Lê Văn C, sinh năm 1950 (xin vắng)
3. Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1950 (xin vắng)
4. Bà Trần Thị T, sinh năm 1979 (xin vắng)
5. Bà Lê Thị K, sinh năm 2000 (xin vắng)
Cùng địa chỉ: Tổ K, ấp M, xã Ba S, huyện Cao L, tỉnh Đ.

Người kháng cáo: Bị đơn Công ty TNHH M (Việt Nam)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác, nguyên đơn do người đại diện hợp pháp là ông Vũ Đức L trình bày:

Ngày 06/7/2020, ông Lê Văn T ký kết Hợp đồng bảo hiểm số 2844166890 với Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn M (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty M) để mua sản phẩm bảo hiểm cơ bản (Mamulife - Điểm tựa đầu tư) với số tiền bảo hiểm 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) và sản phẩm bảo hiểm tăng cường (Bảo hiểm tử vong và thương tật do tai nạn nâng cao) với số tiền bảo hiểm 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), tổng số tiền cho 02 sản phẩm bảo hiểm là 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng). Theo hợp đồng, Bên mua bảo hiểm là ông Lê Văn T; Người được bảo hiểm là ông Lê Văn T; Người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm là Lê Văn C.

Ngày 17/11/2020 ông Lê Văn T bị tai nạn đuối nước chết theo Trích lục khai tử số 74/TLKT ngày 17/11/2020 của Ủy ban nhân dân xã Ba S - huyện Cao L - tỉnh Đ.

Là Người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm, ông Lê Văn C đã nộp Đơn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho Công ty M để giải quyết quyền lợi bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm số 2844166890.

Ngày 29/12/2020, Công ty M đã có văn bản trả lời với nội dung đình chỉ thực hiện Hợp đồng bảo hiểm số 2844166890 và từ chối giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho ông Lê Văn C.

Do vậy, ngày 11/11/2021 ông Lê Văn C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn M (Việt Nam) chi trả tiền gốc là 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng), tiền lãi chậm trả từ ngày 29/12/2020 đến ngày 08/12/2022 là 210.657.534. Tổng cộng là 1.310.657.534 đồng và chi trả ngay một lần sau khi có Quyết định hoặc Bản án có hiệu lực của Tòa án.
- Đồng thời, yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi phát sinh trên số tiền chậm thanh toán sau ngày xét xử sơ thẩm.

Về phía bị đơn trình bày:

Ông Lê Văn C được chỉ định với vai trò người thụ hưởng trong Hợp đồng bảo hiểm số 2844166890 có hiệu lực ngày 06/7/2020 được cấp bởi Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn M (Việt Nam) với bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm là ông Lê Văn T.

Sau khi tiến hành xem xét Đơn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm của ông Lê Văn C cho trường hợp tử vong của ông Lê Văn T, ngày 29/12/2020, Công ty M đã gửi văn bản phản hồi, theo đó, Công ty M quyết định (1) đình chỉ thực hiện Hợp đồng bảo hiểm số 2844166890 và (2) từ chối giải quyết quyền lợi bảo hiểm trong trường hợp này với các lý do sau:

Trong Đơn yêu cầu bảo hiểm ký ngày 03/7/2020, tại mục E “Thông tin sức khỏe người được bảo hiểm/bên mua bảo hiểm”, ông Lê Văn T đã khai không mắc bệnh gì và không có gì bất thường về sức khỏe, cụ thể: Tại câu hỏi "*Ông/Bà có được chẩn đoán, điều trị hoặc đã từng hoặc có triệu chứng, dấu hiệu bất thường hay rối loạn liên quan đến bất kỳ bệnh hay triệu chứng nào dưới đây không? Gạch dưới bệnh/triệu chứng tại câu trả lời "Có". Câu 34: ..., xuất huyết tiêu hóa, ..., viêm gan siêu vi B, ..., bệnh dạ dày/ ...?* Ông Lê Văn T đã đánh dấu vào ô “Không”. Câu 45: *Thói quen sử dụng rượu bia.* Ông Lê Văn T đã đánh dấu vào ô “*chưa bao giờ uống rượu bia*”. Dựa trên thông tin được kê khai, Công ty M đã chấp thuận cấp Hợp đồng bảo hiểm cho ông Lê Văn T. Tuy nhiên, qua quá trình giải quyết quyền lợi bảo hiểm tử vong của ông Lê Văn T, Công ty M được biết:

Trước khi tham gia bảo hiểm, ông Lê Văn T đã từng khám và điều trị tại Bệnh Viện Đa Khoa Tâm Trí Đ với chi tiết như sau: *Điều trị nội trú từ ngày 14/9/2017 đến ngày 18/9/2017 với chẩn đoán: Xuất huyết tiêu hóa trên mức độ nặng (ổn) - Viêm loét dạ dày tá tràng - Loạn thần cấp (ổn) - Hội chứng cai do rượu - Viêm gan siêu vi B mạn. Tiền sử: Nghiện rượu;* Khám ngày 22/9/2017 với chẩn đoán: *Viêm dạ dày và tá tràng - Hội chứng mallorrry wess - Hội chứng cai rượu - mất ngủ;* Khám ngày 06/10/2017 với chẩn đoán: *Viêm dạ dày tá tràng.* Mặc dù ông Lê Văn T có các tình trạng bệnh lý như trên cũng như tiền sử nghiện

rượu nhưng ông T đã không cung cấp thông tin này khi ký Đơn yêu cầu bảo hiểm.

Việc không khai báo thông tin này không những vi phạm Điều 6 Hợp đồng bảo hiểm mà còn vi phạm pháp luật về bảo hiểm đối với nghĩa vụ cung cấp thông tin của Bên mua bảo hiểm, dẫn đến làm sai lệch kết quả thẩm định của Công ty M trong việc quyết định cấp Hợp đồng bảo hiểm cho ông Lê Văn T. Vì vậy, căn cứ vào Điều 6 của Hợp đồng bảo hiểm, Công ty M không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn trình bày lý do mà Công ty M không chi trả quyền lợi bảo hiểm cho nguyên đơn là do ông Lê Văn T khai báo không trung thực tình trạng bệnh của mình. Theo đó, bị đơn dẫn chứng tình trạng nghiện rượu của ông T là bệnh lý nặng, kéo dài theo nguồn mà bị đơn tham khảo là *website: <http://www.benhvien103.vn/>*. Do ông T khai báo không trung thực nên vi phạm Điều 6 của Hợp đồng bảo hiểm mà hai bên đã ký kết. Do đó, bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Bà là nhân viên tư vấn bảo hiểm của Công ty M, quen biết ông Lê Văn T qua sự giới thiệu của ông Lê Văn C địa chỉ: ấp Phú K, xã Song L, huyện Châu T, tỉnh T.

Mối quan hệ giữa ông Lê Văn T và ông Lê Văn C là chủ doanh nghiệp với nhân viên.

Bà gặp ông Lê Văn T tại nhà ông C ở ấp Phú K, xã Song L, huyện Châu T, tỉnh T vào ngày 06/7/2020. Bà Thuần có tư vấn cụ thể rõ ràng về quyền lợi và nghĩa vụ trên hợp đồng cho ông Lê Văn T rõ: Quyền lợi trên hợp đồng với số tiền bảo hiểm là 600.000.000 đồng; Quyền lợi bảo hiểm tai nạn là 500.000.000 đồng. Nghĩa vụ của ông T là khai báo tình trạng sức khỏe trung thực và đóng phí bảo hiểm hàng năm đầy đủ. Trong quá trình lập hợp đồng có các câu hỏi liên quan tới sức khỏe, bà Th có giải thích rõ và hướng dẫn khách hàng (ông Lê Văn T) khai thông tin trên Đơn yêu cầu bảo hiểm nhân thọ. Trước khi ông T ký hợp đồng mua bảo hiểm, bà Th đã tư vấn đầy đủ quyền và nghĩa vụ cho ông T.

Bà xác định các nội dung chi tiết trên Đơn yêu cầu bảo hiểm nhân thọ ngày 03/7/2020: người được bảo hiểm, họ tên, ngày tháng năm sinh, nghề nghiệp, thu nhập hàng tháng của ông T, sản phẩm bảo hiểm, số hợp đồng, số tiền bảo hiểm, người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm ... các nội dung như ghi chú các câu hỏi về thông tin sức khỏe là do ông T là người trực tiếp ghi vào. Sau khi hoàn chỉnh đầy đủ các nội dung của Đơn yêu cầu, hồ sơ được chuyển đến công ty; mấy ngày sau thì công ty chuyển lại bộ hợp đồng bảo hiểm, bà đã trực tiếp giao cho bộ hợp đồng bảo hiểm cho ông T.

Đối với việc công ty thông báo chấm dứt hợp đồng bảo hiểm đối với ông T thì bà có biết và giải thích rõ với gia đình ông T về việc ông T không được chi trả quyền lợi bảo hiểm do có bệnh tồn tại trước mà không khai. Với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà không đồng ý. Bà đã trao đổi, phân tích kỹ với ông C về trường hợp bệnh tồn tại trước và các điều khoản loại trừ nhưng ông C không chịu. Bà đề nghị Tòa án hòa giải xét xử vắng mặt bà.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Cui, bà Huỳnh Thị Sứ; bà Trần Thị Tuyết; bà Lê Thị Kiều trình bày:

Các ông, bà: ông Lê Văn Cui, bà Huỳnh Thị Sứ, bà Trần Thị Tuyết, bà Lê Thị Kiều là hàng thừa kế thứ nhất của người được bảo hiểm - ông Lê Văn T. Ông T chết ngày 16/11/2020.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Lê Văn C thì ông Lê Văn Cui, bà Huỳnh Thị Sứ, bà Trần Thị Tuyết và bà Lê Thị Kiều không có ý kiến. Vì lý do công việc nên ông Lê Văn Cui, bà Huỳnh Thị Sứ, bà Trần Thị Tuyết, bà Lê Thị Kiều đề nghị Tòa án hòa giải, xét xử vắng mặt.

Tòa án nhân dân Quận K đã đưa vụ án ra xét xử và quyết định tại Bản án sơ thẩm số 418/2022/DS-ST ngày 08/12/2022 như sau:

“Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn C đối với bị đơn Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn M (Việt Nam):

Buộc bị đơn Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn M (Việt Nam) phải thanh toán số tiền bảo hiểm theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm số 2844166890 ngày 06/07/2020 được ký giữa ông Lê Văn T và Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn M (Việt Nam), Bên mua bảo hiểm: Lê Văn T; Người được bảo hiểm: Lê Văn T; Người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm: Lê Văn C; Sản phẩm bảo hiểm cơ bản (M - Điểm tựa đầu tư) với số tiền bảo hiểm 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) và sản phẩm bảo hiểm tăng cường (Bảo hiểm tử vong và thương tật do tai nạn nâng cao) với số tiền bảo hiểm 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Buộc bị đơn Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn M (Việt Nam) phải trả cho ông Lê Văn C số tiền gốc là 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng), tiền lãi chậm trả từ ngày 29/12/2020 đến ngày 08/12/2022 là 210.657.534. Tổng cộng là 1.310.657.534 đồng. Trả ngay một lần khi án có hiệu lực pháp luật.”

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/12/2022, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm do cho rằng bản án chưa phản ánh đúng sự thật khách quan của vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn do ông Nguyễn Hồng Hà đại diện trình bày: giữ nguyên kháng cáo - yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, do cho rằng Hợp đồng bảo hiểm là vô hiệu vì những lý do sau:

- Ông Lê Văn T không thuộc đối tượng bảo hiểm vì toàn bộ quá trình mua bảo hiểm từ ký đơn yêu cầu, khai thông tin, đóng tiền ... là do ông Lê Văn C chứ ông T không thực hiện.
- Theo thông tin thu thập được thì cha, anh và vợ ông T đều xác định ông T không biết chữ nên không ký Hợp đồng bảo hiểm.
- Như vậy đối tượng Hợp đồng là giả tạo, không có thật, người mua bảo hiểm nhưng không biết gì về Hợp đồng bảo hiểm.
- Ông T và ông C không có quan hệ họ hàng.
- Ông C có dấu hiệu trục lợi bảo hiểm khi ký 18 hợp đồng bảo hiểm với M đều đứng tên ông Lê Văn C là người thụ hưởng tương tự trường hợp của ông Lê Văn T, trong đó 5 trường hợp đã xảy ra tử vong. Ngoài ra vợ ông C cũng đứng tên thụ hưởng trên hàng chục hợp đồng bảo hiểm khác với M. Ngoài ra ông C cũng là người thụ hưởng trên hợp đồng bảo hiểm đứng tên Lê Văn T ký với công ty bảo hiểm nhân thọ Hanwha Life tương tự như với Công ty M.
- Ông C có dấu hiệu gian dối khi ký hợp đồng bảo hiểm với M.

Do vậy, đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn do ông Vũ Đức L đại diện trình bày: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý kháng cáo của bị đơn.

Hợp tác xã Sản xuất và Cung ứng Lúa giống 9 T – LK có đăng ký kinh doanh sản xuất, thu mua và cung ứng các loại lúa giống chất lượng cao, sản xuất và thu mua các loại gạo chất lượng cao theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã. Khoảng năm 2019 ông Lê Văn T có nói miệng xin làm xã viên với công việc như tiếp thị - chào mời người dân ở địa phương mua lúa giống của Hợp tác xã, công việc chỉ là gọi điện thoại báo với ông C và được hưởng khoảng 10-20% trên đơn hàng lúa giống bán được. Việc chi trả tiền hoa hồng cho ông T được thực hiện bằng tiền mặt nên không có chứng từ chứng minh. Tuy không có đơn từ, văn bản nào của ông T tham gia Hợp tác xã nhưng Hợp tác xã vẫn lập tờ trình kết nạp thành viên mới, họp Hội đồng quản trị và phê duyệt yêu cầu gia nhập Hợp tác xã của ông T và báo cáo danh sách xã viên đến Phòng Tài chính – kế hoạch của huyện Châu T (T). Ông T cũng có góp vốn vào Hợp tác xã – thể hiện ở Sổ theo dõi vốn góp thành viên. *(Các tài liệu này đã được nộp cho Tòa án tại phiên tòa ngày 25/7/2023)*

Bị đơn từ chối chi trả bảo hiểm cho trường hợp tử vong của ông Lê Văn T với lý do kê khai gian dối thông tin, về lý do này ngoài bệnh án do Bệnh Viện Đa

Khoa Tâm Trí Đ thì không còn bệnh án nào khác và vấn đề này đã được án Sơ thẩm làm rõ: Ông T chết là do đuối nước nên không liên quan đến tiền sử bệnh trong bệnh án trước đó. Ông T không ký hợp đồng bảo hiểm thì phải căn cứ vào điều khoản quy định khi giải thích điều khoản hợp đồng phải giải thích theo hướng có lợi cho người ký hợp đồng theo mẫu do bên kia đưa ra. Ông C có vi phạm việc ký hợp đồng bảo hiểm này hay không thì pháp luật không có quy định. Đề nghị áp dụng án lệ số 22 của TAND Tối cao đối với trường hợp tranh chấp này. Về lời khai của bà Nguyễn Thị Th có sự thay đổi so với cấp sơ thẩm trước đây thì do bà Th là nhân viên của M và hiện nay vẫn làm việc cho M, “*ăn cơm chúa múa tối ngày*” nên việc thay đổi lời khai này là không khách quan. Dù đồng ý về mặt pháp lý với các chứng cứ do Tòa án thu thập nhưng không thay đổi nội dung sự việc và không đúng trình tự thủ tục, đề nghị không chấp nhận kháng cáo, y án sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Th trình bày: Bà chưa gặp mặt ông Lê Văn T. Bà quen biết và được ông Lê Văn C đưa danh sách xã viên hợp tác xã yêu cầu ký hợp đồng bảo hiểm, ông C cung cấp thông tin nhân thân của họ và yêu cầu ký hợp đồng bảo hiểm, ông C là người đưa tiền để đóng phí bảo hiểm. Việc ký hợp đồng thực hiện tại nhà ông C. Ông C cũng là người báo cho bà về trường hợp tử vong của ông T và yêu cầu chi trả bảo hiểm. Bà không gặp gia đình ông T. Chỉ sau này khi xảy ra sự việc (tranh chấp) bà mới đến gặp gia đình ông T. Bà xác nhận lời trình bày ngày 16/05/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Ba S là lời trình bày đúng. Sở dĩ có sự thay đổi về lời khai so với ban đầu vì sau nhiều lần làm việc tại chính quyền, bà nhận thấy sự việc là nghiêm trọng nên đã khai lại toàn bộ sự thật.

Bà cũng đã nói với ông C rút lại yêu cầu bồi thường nhưng ông C không nghe. Theo bà, trong Hợp đồng có điều khoản về các bệnh tồn tại trong thời gian 5 năm trước khi ký hợp đồng, việc ông C cung cấp thông tin là không có bệnh để được M chấp nhận ký hợp đồng là vi phạm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm trước khi nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Kháng cáo trong hạn luật định.

Về nội dung kháng cáo: Xét thấy theo biên bản làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Ba S, bà Th trình bày là ký hợp đồng bảo hiểm không có mặt ông Lê Văn T mà chỉ có ông Lê Văn C, nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận ông T không ký tên vào hợp đồng bảo hiểm, đơn yêu cầu bảo hiểm có nội dung khai là ông T ông mắc bệnh gì là trái ngược với bệnh án đã thu thập. Do vậy, kháng cáo của bị đơn

là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được chấp nhận để xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Bị đơn kháng cáo không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm do cho rằng kết luận của Tòa án cấp sơ thẩm không khách quan, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Xét thấy:

[2.1] Theo nguyên đơn trình bày: Ông Lê Văn T ký hợp đồng mua sản phẩm bảo hiểm M – Điểm tựa đầu tư và sản phẩm Bảo hiểm tử vong và thương tật do tai nạn nâng cao ngày 06/07/2020 với Công ty M, nội dung hợp đồng chỉ định ông Lê Văn C là người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm.

Theo bị đơn, ông Lê Văn T đã không kê khai trung thực khi ký hợp đồng bảo hiểm, cụ thể: Ông T không kê khai tiền sử nghiện rượu, bia và bệnh sử *Viêm gan siêu vi B mạn, Viêm dạ dày và tá tràng, Hội chứng mallorrry wess* (xuất huyết tiêu hóa cấp tính do vết rách niêm mạc ở phần xa thực quản và phần gần dạ dày).

Căn cứ Bệnh án nội khoa do Bệnh viện Tâm Trí Đ cung cấp, đã thể hiện: từ ngày 14/9/2017 đến ngày 18/9/2017 ông T nhập viện điều trị nội trú, chuẩn đoán khi vào khoa điều trị là *“thiếu máu mức độ nặng – xuất huyết tiêu hóa trên mức độ trung bình, bệnh kèm theo: nghiện rượu.”* (BL.204); khi ra viện ngày 18/9/2017 là *“bệnh chính: xuất huyết tiêu hóa trên (ổn); bệnh kèm theo: viêm loét dạ dày, tá tràng”* (BL.205). Theo Tóm tắt hồ sơ bệnh án (BL.219) do Bệnh viện Tâm Trí Đ cung cấp, ông T nhập viện điều trị từ 14/9/2017 đến ngày 18/9/2017 với chuẩn đoán lúc ra viện: *Xuất huyết tiêu hóa trên mức độ nặng (ổn) - Viêm loét dạ dày tá tràng – Theo dõi rách nham mạc thực quản (Hội chứng mallorrry wess) (ổn) - Loạn thần cấp (ổn) - Hội chứng cai do rượu – Tăng huyết áp triệu chứng - Viêm gan siêu vi B (theo dõi mạn tính) – Theo dõi nghiện rượu.*

Sau khi điều trị tạm ổn định các triệu chứng trên, ông T xuất viện và sau đó tái khám vào ngày 22/9/2017 với chẩn đoán: *Viêm dạ dày và tá tràng - Hội chứng*

mallorly wess - Hội chứng cai rượu - mất ngủ. Tái khám ngày 06/10/2017 với chuẩn đoán Viêm dạ dày tá tràng.

Như vậy, quá trình điều trị ít nhất 3 tuần kéo dài từ 14/09/2017 đến 06/10/2017 cho thấy bệnh sử của ông T không phải bệnh nhẹ, trong đó có bệnh mạn tính. Tuy nhiên, khi kê khai thông tin để ký kết Hợp đồng bảo hiểm, ông T đã không kê khai trung thực những thông tin có thể ảnh hưởng đến việc giao kết hợp đồng hoặc mức phí bảo hiểm, vi phạm quy định tại Điểm b và c Khoản 2 Điều 18 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000.

“B) Kê khai đầy đủ, trung thực mọi chi tiết có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm;

C) Thông báo những trường hợp có thể làm tăng rủi ro hoặc làm phát sinh thêm trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm trong quá trình thực hiện hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm;”

Việc kê khai không đúng thông tin bệnh sử của ông T là do ông T không trực tiếp ký hợp đồng và cũng không ủy quyền cho người khác ký hợp đồng bảo hiểm. Thể hiện: Tại bản khai 16/5/2023 cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/7/2023, bà Nguyễn Thị Th đã thừa nhận bà chưa gặp mặt ông T bao giờ và bà đã tự mình điền các thông tin về ông T theo yêu cầu của ông Lê Văn C. Tại văn bản ngày 08/01/2021, cha và anh ông T nêu rõ là ông T không biết chữ, không biết ký và viết tên, chỉ có thể điểm chỉ. Tại văn bản lập cùng ngày, chị T vợ ông T cho biết: ông T không biết chữ, chỉ có thể ghi chữ Tài nhưng không ghi được đầy đủ tên Lê Văn T. Hợp đồng bảo hiểm ngày 06/07/2020 không có dấu điểm chỉ để xác định người ký hợp đồng trong trường hợp đối với người không biết chữ, không biết ký tên, có thể khẳng định ông Lê Văn T không trực tiếp ký vào hợp đồng bảo hiểm này.

[2.2] Theo bà Th trình bày tại biên bản ngày 16/3/2023 *“Được biết ông T là nhân viên của Hợp tác xã Lúa giống C – T của ông Lê Văn C, khi ký hợp đồng ông C có nói còn giữ tiền lương của ông T nên đưa phần tiền lương này để Tài trả cho Hợp đồng bảo hiểm. Số tiền trả bảo hiểm là Tài nhận từ ông C và thanh toán phí bảo hiểm.”*

Theo biên bản làm việc ngày 08/01/2021 tại Ấp I xã Ba S, Cao L, Đ (do Công ty Bảo hiểm nhân thọ Hanwha L cung cấp), chị Trần Thị T là vợ ông Lê Văn T cho biết: *Anh T có nghề nghiệp làm ruộng cho gia đình, không làm việc cho công ty nào từ trước đến ngày xảy ra sự kiện tử vong. Anh T chưa khi nào làm việc tại Công ty Hợp tác xã sản xuất và cung ứng lúa giống 9 T -L/KC.. Chị T không biết về công ty này. Anh T không ký hợp đồng lao động với công ty lúa giống 9 T lần nào.*

Theo ông Dương Văn T - Ấp trưởng Ấp I xã Ba S, Cao L, Trình bày tại Biên bản làm việc ngày 08/01/2021 (do Công ty Bảo hiểm nhân thọ Hanwha Life cung cấp) “*Anh Tnghề nghiệp làm ruộng (nhà anh Tài có 3000m²) ngoài làm ruộng thì làm thêm xịt thuốc trừ sâu và bón phân tại địa phương, không đi làm ăn xa ở đâu. Anh Tthường xuyên sử dụng rượu, nghỉ nhậu khoảng 20 ngày trước khi xảy ra sự kiện tử vong. ... Anh Trọng cho biết thêm về giống lúa của nhà anh Tài chủ yếu mua tại các cửa hàng vật tư tại địa phương (3000m² hết khoảng 60kg lúa giống).*”

Theo ông Lê Văn Ccha ông T cung cấp thông tin tại biên bản ngày 08/01/2021 thì “*từ nhỏ đến nay (ông T) chỉ ở địa phương làm ruộng không kinh doanh về lúa giống*” và “*trên hợp đồng lao động của anh Tài và công ty lúa giống 9 T ký ngày 29/06/2020 bác Cui và anh Tân xác nhận không phải chữ ký và chữ viết của anh Tài. Anh Tkhông ký tên trên hợp đồng này.*”

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/7/2016 người đại diện của ông Lê Văn C trình bày ông T không ký đơn tham gia hợp tác xã, không ký văn bản nào với hợp tác xã lúa giống 9 T – LK, tiền huê hồng do môi giới bán lúa giống ông T nhận bằng tiền mặt.

Như vậy, lời trình bày của bà Th về việc ông C nói tiền ông C đưa để đóng bảo hiểm cho ông T là tiền lương của ông T tại Hợp tác xã 9 T – LK là không đúng, vì ông T không làm việc cho Hợp tác xã và không có lương, nếu có môi giới bán lúa giống thì cũng nhận ngay huê hồng bằng tiền mặt.

Cũng tại biên bản ngày 08/01/2021, ông Lê Văn C– cha ông T khẳng định ông T không có khả năng thanh toán phí bảo hiểm. Ông Ccó nói mua bảo hiểm cho ông T nhưng không thông báo về số tiền đóng phí bảo hiểm, mệnh giá bảo hiểm. Số tiền đóng phí bảo hiểm là do ông C tự mua tự đóng. Còn chị T vợ ông T xác nhận tại biên bản ngày 08/01/2021 là chị Tchưa thấy hợp đồng bảo hiểm lần nào. Theo lời bà Th trình bày tại biên bản ngày 16/5/2023 là ông C đưa tiền để đóng bảo hiểm cho người tên Lê Văn T.

Như vậy, đối tượng được bảo hiểm là ông T nhưng không do ông T mua bảo hiểm cho bản thân mà do ông Lê Văn C mua bảo hiểm đứng tên Lê Văn T và chỉ định người thụ hưởng bảo hiểm trong trường hợp tử vong là ông Lê Văn C.

[2.3] Vậy, có thể xác định ông C mua bảo hiểm cho ông T nhưng giao kết hợp đồng dưới danh nghĩa ông Lê Văn T tự mua bảo hiểm cho bản thân để lách các điều khoản liên quan đến quy định pháp luật, bởi:

Theo Điều 31 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 quy định về “*Đối tượng của hợp đồng bảo hiểm con người*” như sau:

“*1. Đối tượng của hợp đồng bảo hiểm con người là tuổi thọ, tính mạng, sức khỏe và tai nạn con người.*”

2. Bên mua bảo hiểm chỉ có thể mua bảo hiểm cho những người sau đây:
- A) Bản thân bên mua bảo hiểm;
 - B) Vợ, chồng, con, cha, mẹ của bên mua bảo hiểm;
 - C) Anh, chị, em ruột; người có quan hệ nuôi dưỡng và cấp dưỡng;
 - D) Người khác, nếu bên mua bảo hiểm có quyền lợi có thể được bảo hiểm.”

Quyền lợi có thể được bảo hiểm theo Khoản 9 Điều 3 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 được định nghĩa “là quyền sở hữu, quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền tài sản; quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng đối với đối tượng được bảo hiểm.”

Giữa ông Lê Văn T và ông Lê Văn C không có mối quan hệ về quyền lợi có thể được bảo hiểm. Bởi:

Giữa ông T và ông C không có mối quan hệ quyền thuộc như gia đình ông Lê Văn T đã khẳng định.

Về việc giữa ông Lê Văn C và ông Lê Văn T có mối quan hệ giữa chủ tịch hội đồng quản trị /chủ nhiệm hợp tác xã với xã viên hay không, xét thấy:

Tại thời điểm ký hợp đồng, theo nguyên đơn trình bày, ông T là xã viên của Hợp tác xã Lúa giống 9 T do ông Lê Văn C làm chủ, thể hiện: Công văn số 251/PTC-KH ngày 08/6/2022 (do nguyên đơn cung cấp) Phòng Tài chính – Kế hoạch nhận huyện châu Thành tỉnh Trà Vinh xác nhận thông tin thành viên: Ông Lê Văn T, sinh năm 1978, địa chỉ Ấp 1 xã Ba S, huyện Cao L, tỉnh Đ (và bà Đoàn Thị N) là thành viên của Hợp tác xã sản xuất và cung ứng lúa giống 9 T-LK nhiệm kỳ II (2019 -2023). Thời gian tham gia hợp tác xã từ 01/6/2019.

Căn cứ theo khoản 1 Điều 13 Luật Hợp tác xã 2012 quy định về điều kiện trở thành thành viên, hợp tác xã thành viên cụ thể như sau:

- “c) Có đơn tự nguyện gia nhập và tán thành điều lệ của hợp tác xã;
- d) Góp vốn theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật này và điều lệ hợp tác xã;”

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện nguyên đơn xác nhận ông T chỉ nói miệng về nguyện vọng làm thành viên hợp tác xã, ngoài các loại giấy do ông Lê Văn C ký đại diện hợp tác xã thể hiện việc kết nạp xã viên đối với ông T và ghi nhận phần vốn góp của ông T thì không có bất cứ đơn từ, chứng từ nào thể hiện ông Lê Văn T tự nguyện xin gia nhập Hợp tác xã và đóng góp vốn theo quy định, Hợp tác xã cũng không phát hành Giấy chứng nhận góp vốn theo quy định tại Điều 17 Luật Hợp tác xã 2012 đối với xã viên Lê Văn T.

Theo biên bản làm việc ngày 08/01/2021 tại Ấp I xã Ba S, Cao L, Đ (do Công ty Bảo hiểm nhân thọ Hanwha L cung cấp), chị Trần Thị T là vợ ông Lê

Văn T cho biết: Anh T có nghề nghiệp làm ruộng cho gia đình, không làm việc cho công ty nào từ trước đến ngày xảy ra sự kiện tử vong. Anh T chưa khi nào làm việc tại Công ty Hợp tác xã sản xuất và cung ứng lúa giống 9 T -L/KC.. Chị T không biết về công ty này. Anh T không ký hợp đồng lao động với công ty lúa giống 9 T lần nào.

Theo biên bản làm việc ngày 08/01/2021 tại Tổ 7 Ấp I xã Ba S, Cao L, Đ(do Công ty Bảo hiểm nhân thọ Hanwha L cung cấp), ông Lê Văn C là cha ruột ông Lê Văn T cho biết: “Trong gia đình thì anh Lê Văn Tấn sinh 1974 và anh Lê Văn T sinh năm 1978 không đi học, không biết chữ, không biết đọc và không biết viết. Anh T1 và anh T không ký và ghi rõ họ tên được, chỉ điểm chỉ. Anh T từ xưa đến nay sinh sống tại địa phương Ấp I xã Ba S – Ca L – Đ, chưa đi chơi hay đi làm tại Bình D, Long A hay T lần nào. Chủ yếu ở tại gia đình.”

Theo lời trình bày của cha, anh và vợ ông T cho thấy ông T không đi làm và không giao ước hợp đồng lao động với ông Lê Văn C.

Việc đăng ký thành viên hợp tác xã là do ông Lê Văn C tự kê khai, hơn nữa quan hệ giữa chủ tịch Hội đồng quản trị với xã viên cũng không thuộc trường hợp có thể mua bảo hiểm cho nhau do không có quyền lợi có thể được bảo hiểm.

Vậy, giữa ông C và ông T không tồn tại quyền lợi có thể được bảo hiểm, nên việc ông C mua bảo hiểm cho ông T với điều khoản trong trường hợp ông T bị tai nạn hoặc tử vong thì người thụ hưởng sẽ là ông C là vi phạm Điều 31 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 với dấu hiệu trục lợi bảo hiểm.

[2.4] Xét:

Theo quy định tại Khoản 2. Điều 18 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000, Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ:

B) Kê khai đầy đủ, trung thực mọi chi tiết có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm;

C) Thông báo những trường hợp có thể làm tăng rủi ro hoặc làm phát sinh thêm trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm trong quá trình thực hiện hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm;

Theo 2. Điều 19 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000, ***Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm và thu phí bảo hiểm đến thời điểm đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm khi bên mua bảo hiểm có một trong những hành vi sau đây:***

A) Cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết hợp đồng bảo hiểm để được trả tiền bảo hiểm hoặc được bồi thường;

B) Không thực hiện các nghĩa vụ trong việc cung cấp thông tin cho doanh nghiệp bảo hiểm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 18 của Luật này.

Do vi phạm Khoản 2 Điều 18 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 về việc cố ý cung cấp thông tin sai sự thật về đối tượng bảo hiểm, nên doanh nghiệp bảo hiểm được quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm mà vẫn thu phí bảo hiểm đến thời điểm đình chỉ thực hiện hợp đồng.

Kháng cáo của bị đơn là có cơ sở, đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do sửa bản án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại như sau: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với toàn bộ yêu cầu không được chấp nhận, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp, nguyên đơn phải nộp tiếp số tiền còn lại cho đủ án phí phải nộp.

[3] Án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 147, Khoản 2 Điều 148, Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn M (Việt Nam).

Sửa Bản án sơ thẩm số 418/2022/DS-ST ngày 08/12/2022 của Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố H, như sau:

1. Không Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn C về việc buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn M (Việt Nam) phải thanh toán số tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng là ông Lê Văn C theo Hợp đồng bảo hiểm số 2844166890 do Công ty Trách nhiệm hữu hạn M (Việt Nam) phát hành, gồm các sản phẩm: sản phẩm bảo hiểm cơ bản (Mamulife - Điểm tựa đầu tư) với

số tiền bảo hiểm 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) và sản phẩm bảo hiểm tăng cường (Bảo hiểm tử vong và thương tật do tai nạn nâng cao) với số tiền bảo hiểm 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), tổng số tiền cho 02 sản phẩm bảo hiểm là 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng) và tiền lãi chậm chi trả quyền lợi bảo hiểm.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí là 51.320.000đ (Năm mươi một triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng) được trừ vào tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 24.150.000đ (Hai mươi bốn triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận K, Thành phố H. Nguyên đơn ông Lê Văn C phải nộp thêm 27.170.000đ (Hai mươi bảy triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0015297 ngày 23/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận K, Thành phố H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. /.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Thịnh Nguyễn Thị Kim Cương

Nguyễn Thị Thanh Hiền

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 31 tháng 7 năm 2023.
Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân Thành phố H.



Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Thanh Hiền**

Các Thẩm phán:

Ông **Nguyễn Bá Thịnh**

Bà **Nguyễn Thị Kim Cương**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 83/2023/DSPT ngày 16/02/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Văn C**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: ấp Phú K, xã Song L, huyện Châu T, tỉnh T.

Đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Vũ Đức L sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: 39 đường số L, Khu đô thị Him L, phường Tân H, Quận K, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 18/3/2021)

Bị đơn: **Công ty TNHH M (Việt Nam)**

Địa chỉ trụ sở: MP, K5 Hoàng Văn T, phường Tân P, Quận K, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

1. Ông Trần Tuấn G (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Đức A (có mặt)

3. Công ty Luật TNHH Hà M & Cộng sự do ông Nguyễn Hồng H – Luật sư – Giám đốc công ty đại diện. (có mặt ngày 25/7/2023, vắng mặt ngày 31/7/2023)

4. Bà Nguyễn Thị Minh T (có mặt ngày 25/7/2023, vắng mặt ngày 31/7/2023)
(Theo Hợp đồng ủy quyền số 06/2023/UQ ngày 06/02/2023 của ông Lee Sang H – Tổng giám đốc Công ty TNHH M - Việt Nam).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Th sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp Bình L, xã Lương H, huyện Châu T, tỉnh T (có mặt ngày 25, vắng mặt ngày 31/7/2023).

2. Ông Lê Văn C, sinh năm 1950 (xin vắng)

3. Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1950 (xin vắng)

4. Bà Trần Thị T, sinh năm 1979 (xin vắng)

5. Bà Lê Thị K, sinh năm 2000 (xin vắng)

Cùng địa chỉ: Tổ K, ấp M, xã Ba S, huyện Cao L, tỉnh Đ.

Người kháng cáo: Bị đơn

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3, quyết định:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 147, Khoản 2 Điều 148, Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn M (Việt Nam).

Sửa Bản án sơ thẩm số 418/2022/DS-ST ngày 08/12/2022 của Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố H, như sau:

1. Không Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn C về việc buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn M (Việt Nam) phải thanh toán số tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng là ông Lê Văn C theo Hợp đồng bảo hiểm số 2844166890 do Công ty Trách nhiệm hữu hạn M (Việt Nam) phát hành, gồm các sản phẩm: sản phẩm bảo hiểm cơ bản (Mamulife - Điểm tựa đầu tư) với số tiền bảo hiểm 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) và sản phẩm bảo hiểm tăng cường (Bảo hiểm tử vong và thương tật do tai nạn nâng cao) với số tiền bảo hiểm 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), tổng số tiền cho 02 sản phẩm bảo hiểm là 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng) và tiền lãi chậm chi trả quyền lợi bảo hiểm.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí là 51.320.000đ (Năm mươi một triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng) được trừ vào tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 24.150.000đ (Hai mươi bốn triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận K, Thành phố H. Nguyên đơn ông Lê Văn C phải nộp thêm 27.170.000đ (Hai mươi bảy triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0015297 ngày 23/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận K, Thành phố H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 31/7/2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Thịnh Nguyễn Thị Kim Cương

Nguyễn Thị Thanh Hiền

